

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/DS-ST

Ngày: 28-3-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Lên;

2. Ông Nguyễn Văn Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 01/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu phố F, Phường B, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Phan Phụng Đức T, sinh năm 1996; địa chỉ: Số C, Q, Khu phố A, Phường B, thị xã K, tỉnh Long An.

(Theo Hợp đồng ủy quyền công chứng số 1326 ngày 02/6/2023 tại Văn phòng C, huyện D, tỉnh Long An)

- Bị đơn:

1. Ông Bùi Chí L, sinh năm 1982; Địa chỉ: Khu phố F, Phường B, thị xã K, tỉnh Long An.

2. Ông Nguyễn Thanh M, sinh năm 1968; địa chỉ: K, B, Cư xá B, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu phố F, Phường B, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Chí T1, sinh năm 1995; địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện M, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 05/6/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn do ông Phan Phụng Đức T đại diện trình bày:

Ngày 01/3/2022, ông Nguyễn Đình D cho ông Bùi Chí L và ông Nguyễn Thanh M vay số tiền 4.300.000.000 đồng, với lãi suất là 1%/tháng. Việc cho vay có làm giấy viết tay do ông L, ông M ký tên (theo Giấy viết tay ngày 01/3/2022). Theo sự thoả thuận giữa hai bên, ông Bùi Chí L và ông Nguyễn Thanh M sẽ thanh toán số nợ trên thành 4 đợt như sau: Từ ngày 20/10/2022 đến ngày 20/12/2022 trả số tiền là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Từ ngày 21/12/2022 đến ngày 21/01/2023 trả số tiền là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Từ ngày 22/02/2023 đến ngày 22/03/2023 trả số tiền là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Đến ngày 20/4/2023 trả toàn bộ số tiền còn lại là 1.300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Đến nay, đã quá thời hạn của từng kỳ thanh toán theo thoả thuận nhưng ông Bùi Chí L và ông Nguyễn Thanh M vẫn chưa thanh toán bất kỳ khoản gốc và lãi nào cho ông D. Ông D đã nhiều lần liên hệ với ông L, ông M để yêu cầu thanh toán số tiền nợ vay trên nhưng ông L, ông M vẫn cố tình lảng tránh, không thực hiện.

Ông D yêu cầu ông M, ông L và bà H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông D số tiền nợ vay là 4.300.000.000 đồng, lãi tạm tính từ ngày 01/3/2022 đến 01/5/2023 với lãi suất là 1%/tháng là 645.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi mà ông Nguyễn Thanh M, ông Bùi Chí L và vợ là bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông D là: 4.300.000.000 đồng + 645.000.000 đồng = 4.945.000.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi xét xử vụ án.

Tại Bản tự khai ngày 26/12/2023, ông Nguyễn Đình D rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn với số tiền 1,6 tỷ đồng vì số tiền này là của ông L bỏ ra cho ông M vay. Số tiền 2,7 tỷ đồng còn lại là của ông D và ông Nguyễn Chí T1 cho ông L vay trong đó tiền của ông D là 1 tỷ đồng, tiền của ông T1 là 1,7 tỷ đồng theo Giấy mượn tiền ngày 04/5/2022, ông D là người làm chứng cho ông L vay của ông T1 nhưng ông L không trả nợ đúng hạn nên D đã trả nợ thay cho ông L xong.

Ông D yêu cầu Tòa án buộc ông M, ông L, bà H cùng liên đới trả lại ông D số tiền 2,7 tỷ đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 01/3/2022 đến ngày 01/12/2023 là 21 tháng với mức lãi suất 1%/tháng là 567.000.000 đồng; tổng cộng gốc và lãi là 3.267.000.000 đồng và yêu cầu tiếp tục trả lãi cho đến khi vụ án được giải quyết xong.

Theo Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 28/3/2024, ông Phan Phụng Đức T xác định ông D rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông M, ông L, bà

H đối với số tiền 1,6 tỷ và tiền lãi và rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bà H.

Bị đơn ông Bùi Chí L trình bày:

Ông L với ông Nguyễn Đình D là hàng xóm, quen biết nhau từ nhỏ. Năm 2021, ông L với ông D có làm ăn mua bán đất chung để bán kiếm lời. Ông L với ông Nguyễn Thanh M quen biết nhau khi ông M xuống thị xã K để mua bán đất vào năm 2022, ông là người giới thiệu ông M mua bán đất.

Trong quá trình mua bán đất chung với nhau ông L có giới thiệu ông D quen biết và mua bán đất chung với ông M. Ông L và ông D nhiều lần góp vốn cho ông M để làm vốn mua bán đất và chia lợi nhuận theo số tiền đã góp cho ông M.

Sau khi việc mua bán đất không được thì ông L, ông D và ông M có ngồi lại để chốt số tiền đã góp cho ông M mua bán đất vào đầu năm 2023. Ông L với ông D, ông M thỏa thuận số tiền ông L và ông D đã góp cho ông M mua bán đất tổng cộng là 4,3 tỷ; trong đó, phần ông D góp cho ông M là 2,7 tỷ; phần ông L góp cho ông M là 1,6 tỷ thì ghi giấy nợ chung là 4,3 tỷ nhằm mục đích để ông D đứng ra thu hồi nợ từ ông M sau đó trả lại cho ông L số tiền 1,6 tỷ đồng. Khi viết giấy nhận nợ, ông D yêu cầu ông L cũng phải đứng nhận nợ chung với ông M vì ông M là do ông L giới thiệu với ông D.

Sau khi ký giấy nhận nợ, ông M hứa hẹn nhiều lần với ông L và ông D nhưng không trả nợ theo thỏa thuận; ông L cũng đã nhiều lần liên hệ với ông M để yêu cầu trả nợ nhưng ông M đều trốn tránh.

Ông D yêu cầu Tòa án buộc ông M và ông L trả số tiền nợ tổng cộng là 4,3 tỷ thì ông L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H không đồng ý liên đới trả nợ gốc 4.300.000.000 đồng với ông L, ông M cho ông D vì không có tham gia giao dịch vay tiền.

Bà H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại Tòa án nhân dân các cấp theo Đơn đề nghị vắng mặt ngày 06/11/2023.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh M vắng mặt và không giao nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí T1 có văn bản trình bày:

Ngày 04/5/2022, ông Nguyễn Chí L1 vay của ông T1 số tiền 1.700.000.000 đồng, ông Nguyễn Đình D là người làm chứng cho việc vay tiền và ông D hứa nếu ông L1 không trả số tiền trên thì ông D sẽ trả thay và sau đó ông L1 phải trả lại cho ông D số tiền nêu trên (theo giấy mượn tiền ngày 04/5/2022).

Khi đến hạn trả nợ thì ông L1 không có khả năng trả nợ nên ông D đã trả thay cho ông L1 số tiền 1.700.000.000 đồng vì vậy số tiền mà ông L1 vay của ông T1

đã thanh toán xong nên giữa ông T1 với ông L1 không còn nợ tiền của nhau. Ngoài ra, ông L1 còn nợ riêng ông D số tiền 1.000.000.000 đồng; tổng cộng nợ là 2,7 tỷ đồng và tiền lãi là 1%/tháng. Đối với bản chính giấy mượn tiền ngày 04/5/2022 thì ông T1 đã giao cho ông D giữ nên ông T1 không còn liên quan đến vụ án và không có ý kiến gì đối với vụ án này.

Ông T1 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng vụ án theo Đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 26/12/2023.

Tòa án đã tiến hành mở các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vụ án không hòa giải được do bị đơn ông Nguyễn Thanh M vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, ông Phan Phụng Đức T xác định ông D rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 1,6 tỷ đồng và tiền lãi và rút lại yêu cầu bà H cùng liên đới với ông L1, ông M trả nợ; tiếp tục yêu cầu ông M, ông D liên đới trả số tiền nợ gốc là 2,7 tỷ đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 01/3/2022 đến ngày Tòa án xét xử vụ án là 483.300.000 đồng; tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 3.183.300.000 đồng.

Bị đơn ông L1 đồng ý cùng ông M liên đới trả số tiền nợ gốc tổng cộng là 2,7 tỷ đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 01/3/2022 đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh M vắng mặt không lý do; bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Chí T1 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự có mặt đã tuân thủ pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện bị đơn ông L1, ông M, bà H đối với số tiền 1,6 tỷ đồng và tiền lãi; rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bà H là hoàn toàn tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện mà đương sự đã rút.

Đối với yêu cầu bị đơn ông L1, ông M trả số tiền gốc là 2,7 tỷ đồng và tiền lãi 1%/tháng tính từ ngày 01/10/2022 đến ngày Tòa án xét xử của ông D là có căn cứ và ông L1 cũng thừa nhận và đồng ý trả nợ gốc và nợ lãi theo yêu cầu của ông D nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Đình D khởi kiện ông Bùi Chí L, ông Nguyễn Thanh M, bà Nguyễn Thị H yêu cầu trả nợ vay. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Nguyên đơn yêu cầu các bị đơn liên đới trả tiền nợ gốc và yêu cầu trả lãi. Các bị đơn không có yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, ông D rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các bị đơn về yêu trả số tiền nợ gốc là 1,6 tỷ đồng và rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bà H. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu của đương sự là tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244, Điều 245 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu đương sự đã rút đối với bị đơn.

[4] Ông Nguyễn Thanh M vắng mặt, nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai; bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Chí T1 vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hợp lệ. Căn cứ theo Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[5] Về yêu cầu trả nợ gốc: Theo Giấy mượn tiền ngày 01/3/2022 và sự thừa nhận của ông D, ông L thì có căn cứ xác định ông L, ông M có vay của ông D số tiền 2,7 tỷ đồng, nhưng trong Giấy mượn tiền ngày 01/3/2022 ghi số tiền vay là 4,3 tỷ đồng là ghi gộp số tiền 1,6 tỷ đồng mà ông L đã góp vào cho ông M vay; mục đích vay tiền để ông M mua thửa đất số 433, 478, tại xã T, huyện M, tỉnh Long An; các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ chia làm 04 kỳ (ngày 20/10/2022 đến ngày 20/11/2022 trả 1 tỷ; ngày 21/12/2023 đến 21/01/2023 trả 1 tỷ; ngày 22/02/2023 đến ngày 22/3/2023 trả 1 tỷ; ngày 20/4/2023 trả 1,3 tỷ); lãi suất là 1%/tháng; thời gian tính lãi từ ngày 01/10/2022. Như vậy, có căn cứ xác định giữa ông D với ông L, ông M đã xác lập hợp đồng vay tài sản; hợp đồng được xác lập theo ý chí tự nguyện của các bên; mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật; không trái đạo đức xã hội và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 119, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật và phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm giao kết. Từ khi vay số tiền 2,7 tỷ đồng đến nay thì ông L, ông M chưa trả tiền nợ gốc cho ông D nên ông L, ông M phải trả cho ông D số tiền nợ gốc 2,7 tỷ đồng là có căn cứ.

[6] Về yêu cầu trả lãi: Ông D yêu cầu ông M, ông L trả lãi trên số tiền nợ gốc 2,7 tỷ đồng với mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 01/10/2022 là phù hợp với sự thỏa thuận trong Giấy mượn tiền ngày 01/3/2022 và phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên ông M, ông L phải có nghĩa vụ trả lãi

1%/tháng của số tiền 2,7 tỷ đồng cho ông D tính từ ngày 01/10/2022 đến ngày 27/3/2024 (01 năm 05 tháng 27 ngày) là 483.300.000 đồng.

[7] Về yêu cầu liên đới trả nợ: Theo Giấy mượn tiền ngày 01/3/2022 thì ông L, ông M cùng tham gia giao dịch tài sản và cùng ký nhận nợ đối với ông D để cùng góp tiền mua đất chia lợi nhuận nên ông L phải có nghĩa vụ liên đới với ông M cùng trả nợ cho ông D là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về số tiền 1,6 tỷ đồng còn lại theo Giấy mượn tiền ngày 01/3/2022 mà ông D, ông L thừa nhận là ông L đã góp cùng số tiền 2,7 tỷ đồng của ông D để tạo thành số tiền 4,3 tỷ cho ông M vay thì ông L có quyền khởi kiện ông M để yêu cầu trả lại số tiền 1,6 tỷ đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

[9] Như đã phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của ông D đối với ông L, ông M. Ý kiến phản bác của bị đơn bà H là có căn cứ chấp nhận. Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát cùng cấp tại phiên tòa là có cơ sở nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông L, ông M phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Ông D được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, 35, 39 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 288, khoản 2 Điều 357, Điều 463, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình D đối với ông Bùi Chí L, ông Nguyễn Thanh M về yêu cầu liên đới trả nợ theo Giấy mượn tiền ngày 01/3/2022.

Buộc ông Bùi Chí L, ông Nguyễn Thanh M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Đình D số tiền nợ gốc là 2.700.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 483.300.000 đồng; tổng cộng là 3.183.300.000 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ trả tiền nếu chậm trả thì phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình D đối với ông Bùi Chí L, ông Nguyễn Thanh M, bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu liên

đới trả nợ gốc và nợ lãi của số tiền 1.600.000.000 đồng và đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình D đối với bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu phải liên đới cùng với ông L, ông M trả nợ gốc và nợ lãi của số tiền 2.700.000.000 đồng. Ông D không có quyền khởi kiện lại để yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm:

Buộc ông Bùi Chí L, ông Nguyễn Thanh M phải liên đới nộp tiền án phí sơ thẩm là 95.666.000 đồng.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Đình D 56.472.500 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0000248 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lên

Nguyễn Văn Thuận

Nguyễn Văn Phương